| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN PHÚ**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **29**/2020/HS-ST
Ngày 20 – 8 - 2020

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Văn Sáu.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

- Ông Huỳnh Thanh Hùng;

- Ông Huỳnh Thanh Bình.

*Thư ký phiên toà*: Ông Nguyễn Hoàng Huynh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2020, đối với bị cáo:

Huỳnh Tấn L, sinh năm 1991; nơi sinh: Huyện An Phú, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp T, thị trấn L, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật Giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960; anh, chị, em ruột có 06 người, bị cáo là người nhỏ nhất.

Tiền án: Không

Tiền sự: 01 lần, ngày 27/7/2018 bị Tòa án nhân dân huyện An Phú ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh An Giang, thời hạn chấp hành là 17 tháng (chấp hành xong ngày 21/10/2019).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2020 đến ngày 29/7/2020 được cho tại ngoại;

Bị cáo có mặt.

*Bị hại*:

1/ Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2/ Ông Dương Văn S, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp T, thị trấn L, huyện An Phú, tỉnh An Giang (có mặt).

3/ Bà Trần Thị N, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp P , xã Đ, huyện An Phú, tỉnh An Giang (vắng mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1/ Bà Lê Thị O, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp T, thị trấn L, huyện An Phú, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2/ Ông Giáp Văn M, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện An Phú, tỉnh An Giang (có mặt).

3/ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp Đ, xã Q, huyện An Phú, tỉnh An Giang (vắng mặt).

4/ Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1952; địa chỉ: Ấp T, thị trấn L, huyện An Phú, tỉnh An Giang (vắng mặt).

5/ Ông Nguyễn Chí D, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang (vắng mặt).

6/ Bà Phạm Thị B, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp T, thị trấn L, huyện An Phú, tỉnh An Giang (có mặt).

7/ Bà Tống Thị Y, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện An Phú, tỉnh An Giang (có mặt).

*Người làm chứng*:

1/ Ông Trương Thanh T2, sinh năm 1993 (vắng mặt);

2/ Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1960 (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 13/5/2020, Huỳnh Tấn L đi bộ đến quán cà phê Nguyễn Kha (thuộc ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang) để uống nước giải khát và ngủ tại quán. Đến khoảng 15 giờ 20 phút cùng ngày, L thức dậy thấy bà Lê Thị O (chủ quán Nguyễn Kha) đi giao bún cho khách, tủ kính để tiền trước quán không người trông giữ, nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Để thực hiện, L giả vờ đến phía tủ kính xin thêm nước đá, rồi dùng tay kéo ngăn tủ kính ra, lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 màu tím của Nguyễn Văn Q (con ruột của bà O) bỏ vào túi quần và đóng ngăn tủ lại.

Sau đó, L đi bộ đến quán Long Bình điểm hẹn (hiện bỏ hoang) để cất giấu điện thoại.

Sau khi đi giao bún về, bà O phát hiện điện thoại di động để trong ngăn tủ bị mất, nên bà O cùng cùng anh Q đến Công an thị trấn Long Bình trình báo sự việc. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Công an mời L làm việc, thì L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra còn xác định, ngoài lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 13/5/2020 tại ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang, L còn nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của những người khác, cụ thể:

Khoảng 01 giờ ngày 17/5/2020, L lén lút chiếm đoạt 01 xe môtô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen, biển kiểm soát 67L6 - 9192 của anh Dương Văn S tại ấp Tân Thạnh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang bán cho anh Giáp Văn M ở ấp Phước Quản, xã Đa Phước, huyện An Phú được 3.000.000 đồng và tiêu xài hết.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 25/5/2020, L đi xe buýt từ thị trấn Long Bình, huyện An Phú đến nhà bà Trần Thị N (dì ruột của L) tại xã Đa Phước, huyện An Phú xin ở nhờ. Sau đó, L lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10s, màu đen của bà Nghình mang đến tiệm cầm đồ Minh Đ tại ấp Đồng Ky, xã Quốc Thái, huyện An Phú cầm được 600.000 đồng và tiêu xài hết.

Khoảng 08 giờ ngày 01/5/2020, lợi dụng lúc cự cãi, ông Huỳnh Văn T1 (cha ruột của L) làm rơi điện thoại, L liền nhặt điện thoại của ông Thọ gọi cho anh Nguyễn Chí D (con nuôi ông T1) giả danh ông T1 hỏi mượn 800.000 đồng. Được anh D đồng ý, L đến nhà anh Dũng lấy số tiền 800.000 đồng do anh D đưa và tiêu xài hết.

Căn cứ Kết luận định giá số 21/KL-ĐGTSTTHS ngày 19/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang, xác định giá trị điện thoại di động OPPO F9, màu tím đã qua sử dụng là 6.563.000 đồng.

Căn cứ Kết luận định giá số 26/KL-ĐGTSTTHS ngày 08/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang, xác định giá trị xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen, biển kiểm soát 67L6-9192 đã qua sử dụng là 4.000.000 đồng; giá trị điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10s màu đen, đã qua sử dụng là 3.238.000 đồng.

Ngày 27/5/2020, Huỳnh Tấn L bị khởi tố điều tra.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi được các tài sản do L chiếm đoạt và trao trả cho các chủ sở hữu.

Cáo trạng số 29/VKS-HS.AP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo Huỳnh Tấn L về tội "*Trộm cắp tài*

*sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sữa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung cáo trạng đã nêu.

- Ông Dương Văn S và bà Phạm Thị B xác định đã nhận xe mô tô biển kiểm soát 67L6-9192 bị mất trộm và không yêu cầu gì khác.

- Ông Giáp Văn M và bà Tống Thị Y khai: Do không biết xe mô tô kiểm soát 67L6-9192 L mang đến bán là tài sản do L phạm tội mà có nên nhận mua. Nay ông M, bà Y yêu cầu L trả lại số tiền 3.000.000 đồng.

Trong lời luận tội, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đề nghị tuyên bố bị cáo Huỳnh tấn L phạm tội *“Trộm cắp tài sản”*; đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo L bồi thường lại cho ông Giáp Văn M 3.000.000 đồng; buộc L nộp lại số tiền 600.000 đồng do cầm điện thoại mà có để tịch thu sung công quỹ.

Bị cáo, các bị hại, ngươi có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hứa không tái phạm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Mặc dù, đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Văn Q, Trần Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lê Thị O, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Văn T1 Nguyễn Chí D và những người làm chứng vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, những người tham gia tố tụng này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[2] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập. Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối chiếu lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của những người bị hại; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; những người làm chứng; Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 21/KL-ĐGTSTTHS ngày 19/5/2020, Kết luận định giá tài sản số 26/KL-ĐGTSTTHS ngày 08/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang; các biên bản khám nghiệm hiện trường cùng các vật chứng thu được, có cơ xác định:

Lợi dụng vào sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, ngày 13/5/2020 Huỳnh Tấn L có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9 trị giá 6.563.000 đồng của anh Nguyễn Văn Q; ngày 17/5/2020 lén lút chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển kiểm soát 67L6 – 9192 trị giá 4.000.000 đồng của ông Dương Văn S; ngày 25/5/2020 lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A10s trị giá 3.238.000 đồng của bà Trần Thị N. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tài sản bị cáo lén lút chiếm đoạt có tổng trị giá 13.801.000 đồng. Từ đó có đủ căn cứ kết luận, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sữa đổi, bổ sung năm 2017). Xác định, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2] Để có được tài sản, công dân phải trải qua quá trình lao động và tích lũy lâu dài mới có được. Do đó, tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân đều bị pháp luật nghiêm trị. Bị cáo đang ở độ tuổi lao động, đáng lẽ bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để tạo thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân và giúp đỡ gia đình, nhưng vì bản chất lười lao động, muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm áp dụng đối với bị cáo để phát huy tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về hình phạt:

[4.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị

cáo thuộc thành phần lao động nghèo, phạm tội ít nghiêm trọng, bản thân đang bị bệnh nên được áp dụng tính tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 03 lần thực hiện cùng một loại hành vi trộm cắp tài sản, giá trị tài sản mỗi lần thực hiện đều trên 2.000.000 đồng, các lần phạm tội đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Ngoài hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo còn có hành lừa đảo chiếm đoạt 800.000 đồng của anh Nguyễn Chí D. Xét chưa đủ định lượng nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự mà xử lý hành chính là có căn cứ, đúng quy định.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội; nhân thân không tốt, đã bị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa cai nghiện bắt buộc nhưng vẫn không sữa đổi. Xét cần áp dụng hình phạt tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thêm một thời gian nữa để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình, thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Xét thấy bị cáo không nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh khinh tế khó khăn, nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát là không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

[6.1] về trách nhiệm dân sự: Ông Giáp Văn M do không biết xe mô tô biển kiểm soát 67L6 – 9192 là do bị cáo L phạm tội mà có nên đã nhận mua. Khi biết được xe do phạm tội mà có ông đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Công xử lý. Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông M, buộc bị cáo L bồi thường cho ông M 3.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Đ do không biết điện thoại hiệu Samsung Galaxy A10s là do bị cáo L phạm tội mà có nên nhận cầm 600.000 đồng. Khi biết điện thoại là do L phạm tội mà có đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Công an. Ông Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường tiền cầm điện thoại. Như vậy số tiền này được coi là tiền do phạm tội mà có nên buộc bị cáo nộp lại 600.000 đồng để tịch thu sung quỹ.

[6.2] Về xử lý vật chứng: Trong giai đoạn điều tra, các bị hại anh Nguyễn Văn Q đã nhận lại tài sản là điện thoại di động hiệu OPPO F9; ông Dương Văn S đã nhận lại xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu đỏ-đen, biển kiểm soát 67L6 – 9192, bà Trần Thị N đã nhận lại điện thoại hiệu Samsung Galaxy A10s và không có yêu cầu bồi thường gì khác, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về chi phí tố tụng:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

1/ Vê tội danh: Tuyên bố bị cáo Huỳnh Tấn L phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*.

2/ Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sữa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo tự nguyện chấphành án hoặc từ ngày bị bắt chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giam 02 (hai) tháng 02 (hai) ngày (Tạm giam từ ngày 27/5/2020 đến ngày 29/7/2020).

3/ Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

Căn cứ các điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự,

3.1 Buộc bị cáo Huỳnh Tấn L bồi thường cho ông Giáp Văn M 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, ông Mỹ có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo L không thi hành đầy đủ khoản tiền bồi thường thì còn phải chịu lãi, theo mức lãi được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm bồi thường tại thời điểm thanh toán.

3.2 Buộc bị cáo Huỳnh Tấn L nộp lại số tiền 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng tịch thu sung quỹ Nhà nước.

4/ Về án phí:

Căn cứ Điều 136, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Bị cáo Huỳnh Tấn L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng án phí sơ thẩm bị cáo L phải chịu là 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

- Bị cáo và các đương sự trong vụ án không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

5/ Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt Bị cáo Huỳnh Tấn L; bị hại Dương Văn S; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Giáp Văn M, bà Tống Thị Y, bà Phạm Thị B. Thời hạn kháng cáo của bị cáo L, ông S, ông M, bà Y, bà B là15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/8/2020). Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Viện KSND huyện An Phú (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS huyện An Phú (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND TT Long Bình (1);
- Bị cáo (1);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Trần Văn Sáu**